

Họ, tên:.....Số báo danh:..... **Mã đề thi 132**

NỘI DUNG ĐỀ

(Đề thi gồm 40 câu trắc nghiệm được in trên 06 trang giấy)

Câu 1: Người mắc hội chứng Tocơ trong tế bào có:

- A. 1 NST X.
- B. 3 NST X.
- C. 3 NST số 21.
- D. NST số 21 bị mất đoạn.

Câu 2: Một quần thể ngẫu phối gen quy định tính trạng trội là trội hoàn toàn, ở thế hệ xuất phát có thành phần kiểu gen là $0,1BB + 0,5Bb + 0,4bb = 1$. Khi trong quần thể này, các cá thể có kiểu hình trội có sức sống và khả năng sinh sản cao hơn hẳn so với các cá thể có kiểu hình lặn thì qua các thế hệ:

- A. alen lặn có xu hướng bị loại bỏ hoàn toàn khỏi quần thể.
- B. tần số alen trội và tần số alen lặn sẽ thay đổi.
- C. tần số kiểu gen sẽ không đổi qua các thế hệ.
- D. tần số alen trội và tần số alen lặn có xu hướng bằng nhau.

Câu 3: Quyết trần, dương xỉ phát triển mạnh và sau đó đi vào diệt vong, quá trình này xảy ra ở:

- A. Kỷ Cambri của đại Cổ sinh.
- B. Kỷ Cacbon của đại Cổ sinh.
- C. Kỷ Jura của đại Trung sinh.
- D. Kỷ Silua của đại Cổ sinh.

Câu 4: Kết quả của tiến hoá tiền sinh học là:

- A. hình thành sinh vật đa bào.
- B. hình thành các tế bào sơ khai.
- C. hình thành hệ sinh vật đa dạng phong phú như ngày nay.
- D. hình thành chất hữu cơ phức tạp.

Câu 5: Hiện tượng lá cây thuốc bỏng khi rụng xuống đất ẩm mọc rễ và phát triển thành cây mới thuộc hình thức sinh sản nào sau đây?

- A. Sinh sản tái sinh.
- B. Sinh sản hữu tính.
- C. Sinh sản sinh dưỡng.
- D. Sinh sản bào tử.

Câu 6: Trên phân tử ADN có bazonito guanin trở thành dạng hiếm thì quá trình nhân đôi xảy ra đột biến thay thế cặp G – X thành cặp A – T. Sơ đồ nào sau đây mô tả đúng cơ chế gây đột biến làm thay thế cặp G – X bằng cặp A – T của bazonito dạng hiếm?

- A. $G^* - X \rightarrow G^* - T \rightarrow A - T$.
- B. $G^* - X \rightarrow G^* - A \rightarrow A - T$.
- C. $G^* - X \rightarrow T - X \rightarrow A - T$.
- D. $G^* - X \rightarrow A - X \rightarrow A - T$.

Câu 7: Trong kĩ thuật chuyển gen, người ta thường dùng vi khuẩn E.coli làm tế bào nhận với mục đích sản xuất được nhiều sản phẩm mong muốn là vì E.coli có đặc điểm:

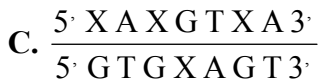
- A. Tổ chức cơ thể đơn giản, dễ nuôi cấy.
- B. Hệ gen thích hợp cho việc nuôi cấy.
- C. Sinh sản nhanh.
- D. Có nhiều plasmit dùng để làm thể truyền.

Câu 8: Để khắc phục những biến đổi bất lợi của môi trường có thể gây ra diễn thế sinh thái con người cần áp dụng nhiều biện pháp biện pháp khác nhau. Trong các biện pháp dưới đây, biện pháp nào không có tác dụng ngăn chặn diễn thế sinh thái?

- A. Cải tạo đất, làm thủy lợi để điều tiết nước.
- B. Duy trì sự đa dạng loài trong quần xã.
- C. Chăm sóc cây trồng, phòng trừ sâu bệnh hại.
- D. Sử dụng sinh vật ngoại lai kìm hãm sự phát triển mạnh của loài ưu thế.

Câu 9: Hình nào dưới đây mô tả cấu trúc không gian của 1 đoạn ADN

- A. $\begin{matrix} 5' X A X G T X A 3' \\ 3' G T G X A G T 5' \end{matrix}$
- B. $\begin{matrix} 5' U A X X G U A 3' \\ 3' A U G G X A U 5' \end{matrix}$



Câu 10: Khi nói về lưới và chuỗi thức ăn, kết luận nào sau đây là **đúng**?

- A. Trong một chuỗi thức ăn, mỗi loài có thể thuộc nhiều mắt xích khác nhau.
- B. Trong một lưới thức ăn, mỗi loài có thể tham gia vào nhiều chuỗi thức ăn khác nhau.
- C. Trong một lưới thức ăn, sinh vật sản xuất có thể được xếp vào nhiều bậc dinh dưỡng khác nhau.
- D. Trong một lưới thức ăn, mỗi bậc dinh dưỡng thường chỉ có một loài sinh vật.

Câu 11: Cho các phát biểu sau đây về quần xã sinh vật:

- (1) Cộng sinh là mối quan hệ chặt chẽ giữa hai loài và các loài cùng có lợi.
- (2) Trong các quan hệ đối kháng, không có loài nào được lợi.
- (3) Phong lan bám trên cây gỗ là quan hệ kí sinh.
- (4) Trong các quan hệ hỗ trợ khác loài, có ít nhất 1 loài được lợi, không có loài nào bị hại.

Có bao nhiêu phát biểu **đúng**?

- A. 3.
- B. 1.
- C. 4.
- D. 2.

Câu 12: Ý nào dưới đây là đúng khi nói về ưu điểm của sinh sản hữu tính?

A. Tạo ra các cá thể mới đa dạng về đặc điểm di truyền nên sinh vật có thể thích nghi và phát triển trong điều kiện sống thay đổi.

B. Tạo ra các cá thể giống nhau và giống cá thể mẹ nên thích nghi tốt với môi trường sống ổn định, ít biến động nhờ vậy quần thể phát triển nhanh.

C. Cá thể sống độc lập, đơn lẻ vẫn có thể tạo ra con cháu nên có lợi trong trường hợp mật độ quần thể thấp.

D. Tạo ra số lượng lớn con cháu giống nhau trong một thời gian ngắn giúp gia tăng số lượng cá thể sống sót trong điều kiện môi trường thay đổi.

Câu 13: Cho 2 kiểu gen AaBb và DE/de. Hãy chọn kết luận **đúng**.

- A. các gen luôn tác động riêng lẻ.
- B. các gen đều nằm trên một cặp NST.
- C. các gen đều dị hợp hai cặp gen.
- D. gen trội lấn át gen lặn.

Câu 14: Để nhân giống hoa lan có được những đặc tính giống nhau từ một giống lan quý, các nhà nhân giống cây cảnh đã áp dụng tạo giống bằng phương pháp nào?

- A. Công nghệ tế bào.
- B. Gây đột biến.
- C. Lai hữu tính.
- D. Công nghệ gen.

Câu 15: Một tế bào có kiểu gen Aa BB Dd Ee. Cá thể trên có bao nhiêu loại giao tử khác nhau?

- A. 2.
- B. 8.
- C. 4.
- D. 16.

Câu 16: Trong sinh trưởng và phát triển ở động vật, thiếu prôtêin động vật sẽ chậm lớn và gây yếu, dễ mắc bệnh. Hiện tượng trên là ảnh hưởng của nhân tố?

- A. Nhiệt độ.
- B. Độ ẩm.
- C. Thức ăn.
- D. Ánh sáng.

Câu 17: Dựa vào sự sai khác về các axit amin trong phân tử hêmôglôbin giữa các loài trong bộ Linh trưởng trong dữ liệu dưới đây:

Số axit amin khác so với người: Tinh tinh (0); Gôrila (1); Vượn Gibbon (3); Khỉ Rhesus (8). Loài nào có quan hệ họ hàng xa với người nhất?

- A. Khỉ Rhesus.
- B. Tinh tinh.
- C. Vượn Gibbon.
- D. Gôrila.

Câu 18: Vây cá chép và vây cá voi là ví dụ về cơ quan nào?

- A. Cơ quan tiến hóa.
- B. Cơ quan tương tự.
- C. Cơ quan tương đồng.
- D. Cơ quan thoái hóa.

Câu 19: Càng lên phía Bắc, kích thước các phần thò ra ngoài cơ thể của động vật càng thu nhỏ lại (tai, chi, đuôi, mỏ...). Ví dụ: tai thỏ Châu Âu và Liên Xô cũ, ngắn hơn tai thỏ Châu Phi. Hiện tượng trên phản ánh ảnh hưởng của nhân tố sinh thái nào lên cơ thể sống của sinh vật?

- A. Ánh sáng.
- B. Kẻ thù.
- C. Thức ăn.
- D. Nhiệt độ.

Câu 20: Loại tế bào nào sau đây làm nhiệm vụ dẫn nước và muối khoáng từ rễ lên lá?

- A. Ống rây và mạch gỗ.
- B. Mạch gỗ và tế bào kèm.
- C. Quản bào và ống rây.
- D. Mạch ống và quản bào.

Câu 21: Theo thuyết tiến hóa hiện đại, trong các phát biểu sau về quá trình hình thành loài mới, có bao nhiêu phát biểu **đúng**?

- (1) Hình thành loài mới có thể xảy ra trong cùng khu vực địa lí hoặc khác khu vực địa lí.

- (2) Đột biến đảo đoạn có thể góp phần tạo nên loài mới.
(3) Lai xa và đa bội hóa có thể tạo ra loài mới có bộ nhiễm sắc thể song nhị bội.
(4) Quá trình hình thành loài có thể chịu sự tác động của các yếu tố ngẫu nhiên.

A. 1. B. 2. C. 4. D. 3.

Câu 22: Nhịp tim của ghé là 50 lần/phút, giả sử thời gian các pha của chu kì tim lần lượt là 1:3:4. Trong 1 chu kì tim, thời gian để tâm nhĩ nghỉ ngơi là bao nhiêu giây?

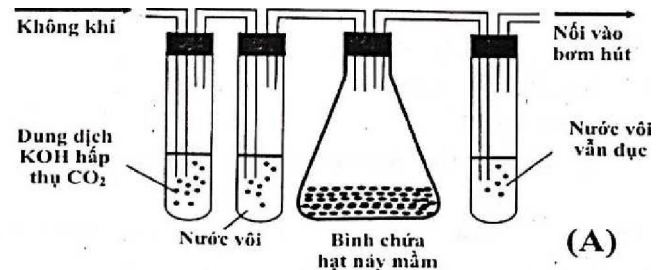
A. 0,6. B. 1,05. C. 2. D. 1,2.

Câu 23: Trong các phát biểu sau phát biểu nào đúng về sinh sản ở thực vật?

- A. Sinh sản vô tính chỉ xảy ra ở thực vật bậc thấp.
B. Thụ phấn là hiện tượng giao tử đực kết hợp với noãn tạo thành hợp tử.
C. Trong thụ tinh kép ở thực vật có hoa cả hai giao tử đực đều kết hợp với noãn cầu để tạo thành hợp tử.
D. Sinh sản vô tính gồm các hình thức: sinh sản sinh dưỡng và sinh sản bào tử.

Câu 24: Dựa trên hình vẽ thí nghiệm minh họa hô hấp thực vật, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- I. Khí hút ra phía bên phải thí nghiệm là khí giàu N_2 .
II. Sau thí nghiệm, ống nghiệm bên phải nước vôi vẫn đục là do hạt hô hấp thải ra CO_2 .
III. Dòng khí vào bên trái cung cấp vào bình chứa hạt nảy mầm có nhiều O_2 .
IV. Khí hút ra bên phải bình chứa hạt nảy mầm là khí có nhiều SO_2 .



A. 4. B. 1. C. 2. D. 3.

Câu 25: Ở vi khuẩn E.coli, giả sử có 6 chủng đột biến sau đây:

- Chủng I: Đột biến ở gen cấu trúc A làm cho phân tử prôtêin do gen này qui định tổng hợp bị mất chức năng
- Chủng II: Đột biến ở gen cấu trúc Z làm cho phân tử prôtêin do gen này qui định tổng hợp bị mất chức năng
- Chủng III: Đột biến ở gen cấu trúc Y làm cho phân tử prôtêin do gen này qui định tổng hợp bị mất chức năng
- Chủng IV: Đột biến ở gen điều hòa R làm cho phân tử prôtêin do gen này qui định tổng hợp bị mất chức năng
- Chủng V: Đột biến ở gen điều hòa R làm cho gen này mất khả năng phiên mã
- Chủng VI: Đột biến ở vùng khởi động (P) của Operon làm cho vùng này bị mất chức năng

Khi môi trường có đường lactozo, có bao nhiêu chủng có gen cấu trúc Z, Y, A không phiên mã?

A. 3. B. 2. C. 1. D. 4.

Câu 26: Có bao nhiêu phát biểu sau đây là đúng khi nói về hệ sinh thái?

- (1) Sinh vật đóng vai trò quan trọng nhất trong việc truyền năng lượng từ môi trường vô sinh vào chu trình dinh dưỡng là sinh vật sản xuất.
(2) Trong một hệ sinh thái, vật chất và năng lượng được truyền theo một chiều từ sinh vật sản xuất qua các bậc dinh dưỡng tới môi trường và không được tái sử dụng.
(3) Chu trình trao đổi các chất trong tự nhiên giữa môi trường và quần xã sinh vật chắc chắn bị phá vỡ khi trong hệ sinh thái không còn các sinh vật tiêu thụ.
(4) Vi khuẩn là nhóm sinh vật duy nhất có vai trò phân giải các chất hữu cơ thành các chất vô cơ.
(5) Sự thất thoát năng lượng qua mỗi bậc dinh dưỡng trong hệ sinh thái là rất lớn nên hiệu suất sinh thái của các loài sinh vật không cao.

A. 3. B. 4. C. 2. D. 5.

Câu 27: Ở người, gen h gây bệnh máu khó đông, gen m gây bệnh mù màu, các alen bình thường tương ứng là H và M. Một cặp vợ chồng bình thường sinh được một con trai mù màu và một con trai mắc bệnh máu khó đông. Kiểu gen của 2 vợ chồng trên là

- A. Bố XmHY, mẹ XMhXmh. B. Bố XMHY, mẹ XMh XmH.
C. Bố XmhY, mẹ XmH Xmh hoặc XMh XmH. D. Bố XMHY, mẹ XMhXmH.

Câu 28: Khi nói về quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể, có bao nhiêu phát biểu đúng trong các phát biểu sau?

(1) Cạnh tranh giành nguồn sống, cạnh tranh giữa các con đực giành con cái (hoặc ngược lại) là hình thức phổ biến thường xuyên trong tự nhiên.

(2) Quan hệ cạnh tranh đảm bảo sự tồn tại và phát triển của quần thể.

(3) Hiện tượng tỉa thưa ở thực vật và di cư ở động vật làm giảm nhẹ sự cạnh tranh trong quần thể.

(4) Sự cạnh tranh trong quần thể có thể làm kích thích quần thể giảm đến mức tối thiểu để phù hợp với điều kiện môi trường sống.

A. 4.

B. 3.

C. 2.

D. 1.

Câu 29: Trong quá trình giảm phân của giới đực có 16% số tế bào có cặp NST mang cặp gen Aa không phân li trong giảm phân I, giảm phân II diễn ra bình thường, các tế bào khác giảm phân li bình thường, cơ thể cái giảm phân bình thường. Ở đời con của phép lai ♂Aabb x ♀AaBB, hợp tử đột biến dạng thể ba chiếm tỉ lệ

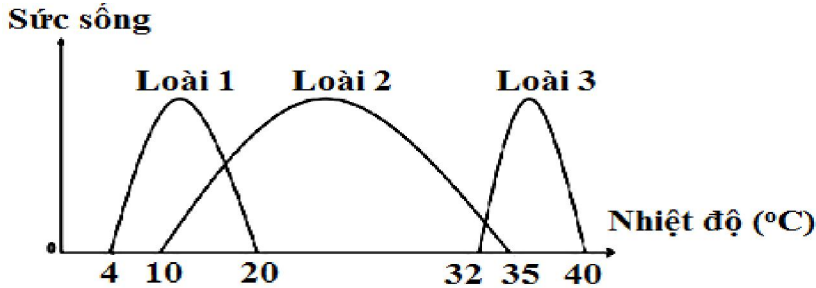
A. 16%.

B. 4%.

C. 32%.

D. 8%.

Câu 30: Cho sơ đồ giới hạn sinh thái của 3 loài sinh vật và một số nhận xét như sau:



I. Loài 3 được xem là loài ưa nhiệt, đồng thời là loài hẹp nhiệt nhất trong 3 loài.

II. Loài 2 thường có vùng phân bố rộng nhất trong 3 loài.

III. Sự cạnh tranh giữa loài 1 và 2 diễn ra mạnh hơn so với loài 2 và 3 do có sự trùng lặp ổ sinh thái nhiều hơn.

IV. Khi nhiệt độ xuống dưới 10°C thì chỉ có một loài có khả năng sống sót.

Số phát biểu **đúng** là

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 31: Trong số các nhận định dưới đây về nhiễm sắc thể (NST):

(1). Ở tất cả các loài, giới dị giao tử có NST giới tính gồm 2 chiếc khác nhau.

(2). Trên NST giới tính có thể chứa các gen chi phối các tính trạng thường.

(3). NST giới tính có số lượng ít hơn so với NST thường trong 1 tế bào động vật.

(4). Giới tính của các loài động vật chỉ bị chi phối bởi sự có mặt cặp NST giới tính.

Có bao nhiêu nhận định **đúng**?

A. 2.

B. 1.

C. 4.

D. 3.

Câu 32: Ở người, alen A quy định mắt nhìn màu bình thường trội hoàn toàn so với alen a quy định bệnh mù màu đỏ - xanh lục, gen này nằm ở vùng không tương đồng trên nhiễm sắc thể giới tính X. Có hai anh em đồng sinh cùng trứng, người anh (1) không bị bệnh mù màu đỏ - xanh lục có vợ (2) bị bệnh mù màu đỏ - xanh lục sinh con đầu lòng (3) không bị bệnh này. Người em (4) có vợ (5) không bị bệnh mù màu đỏ - xanh lục sinh con đầu lòng (6) bị bệnh này. Cho biết không phát sinh đột biến mới, kiểu gen của những người từ (1) đến (6) lần lượt là:

A. $X^A Y, X^a X^a, X^A Y, X^A Y, X^A X^a, X^A Y$.

B. $X^A Y, X^a X^a, X^A X^a, X^A Y, X^A X^a, X^a X^a$.

C. $X^A Y, X^a X^a, X^A X^a, X^A Y, X^A X^A, X^A Y$.

D. $X^A Y, X^a X^a, X^A X^a, X^A Y, X^A X^a, X^A Y$.

Câu 33: Ở đậu Hà Lan, A qui định thân cao trội hoàn toàn so với a qui định thân thấp, B qui định hoa tím trội hoàn toàn so với b qui định hoa trắng. Sau khi tiến hành phép lai P: Aabb x aabb, người ta đã dùng conixin xử lý các hạt F₁. Sau đó gieo thành cây và chọn các thể đột biến ở F₁ cho tạp giao thu được F₂. Có bao nhiêu kết luận sau đây là **đúng**?

(1). Ở đời F₁ có tối đa là 4 kiểu gen.

(2). Tất cả các cây F₁ đều có kiểu gen thuần chủng.

(3). Tỉ lệ cây thân thấp, hoa trắng thu được ở F₂ là 49/144.

(4). Số phép lai tối đa có thể xảy ra khi cho tất cả các cây F₁ tạp giao là 10.

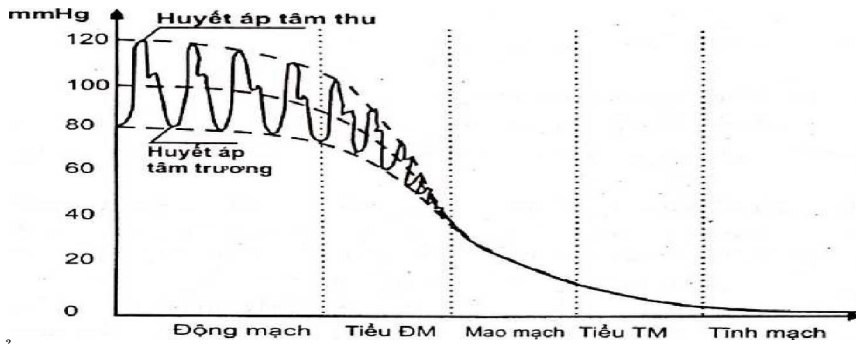
A. 4.

B. 2.

C. 3.

D. 1.

Câu 34: Dựa trên đồ thị về sự biến động huyết áp trong hệ mạch ở người trưởng thành và bình thường sau đây.



Có bao nhiêu phát biểu dưới đây **đúng**?

- I. Ở người trưởng thành và bình thường có huyết áp tâm thu khoảng 110 - 120 mmHg.
- II. Ở người trưởng thành và bình thường có huyết áp tâm trương khoảng 70 - 80 mmHg.
- III. Huyết áp lớn nhất ở động mạch, nhỏ nhất ở mao mạch.
- IV. Huyết áp tỉ lệ nghịch với tổng tiết diện mạch máu.
- V. Huyết áp lớn nhất là đo được ở động mạch chủ, lúc tâm thất co.

A. 5. B. 3. C. 4. D. 2.

Câu 35: Ở ruồi giấm, xét 3 cặp gen quy định 3 tính trạng khác nhau, mỗi gen đều có 2 alen, alen trội là trội hoàn toàn. Tiến hành phép lai P: AB//ab Dd x Ab//ab Dd, thu được F₁. Cho biết không xảy ra đột biến nhưng xảy ra hoán vị gen với tần số 32%. Theo lý thuyết, F₁ có

- (1). tối đa 30 loại kiểu gen khác nhau.
- (2). tối đa 8 loại kiểu hình khác nhau.
- (3). số cá thể mang kiểu hình trội của 3 tính trạng trội chiếm tỉ lệ 31,5%.
- (4). số cá thể mang kiểu hình trội của 2 trong 3 tính trạng chiếm tỉ lệ 36%.

Số phương án **đúng** là:

A. 3. B. 4. C. 1. D. 2.

Câu 36: Ở một loài thực vật, A - thân cao trội hoàn toàn so với a - thân thấp; B - hoa đỏ trội hoàn toàn so với b - hoa trắng. Mỗi cặp gen nằm trên 1 cặp NST tương đồng khác nhau. Cho cây thân cao, hoa đỏ dị hợp các cặp gen tự thụ phấn được F₁. Cho các nhận định sau đây về F₁

- (1). Trong số các cây thân cao, hoa đỏ có cây đồng hợp chiếm tỷ lệ 1/9.
- (2). Tỷ lệ cây mang 1 tính trạng trội chiếm tỷ lệ 37,5%.
- (3). Nếu cho các cây thân cao, hoa đỏ F₁ giao phấn với nhau, tỷ lệ đời con mang 2 tính trạng lặn chiếm tỷ lệ 1/81.
- (4). Trong số các cây thân cao, hoa đỏ tỷ lệ các cây khi tự thụ phấn cho đời con có tỉ lệ kiểu hình (3 : 1) chiếm tỷ lệ 4/9.

Số nhận định **đúng** là:

A. 3. B. 1. C. 4. D. 2.

Câu 37: Một gen có tổng số 2185 liên kết hiđrô. Trên mạch 1 của gen có số nuclêôtit loại A bằng số nuclêôtit loại T, số nuclêôtit loại G gấp hai lần số nuclêôtit loại A, nuclêôtit loại X gấp 3 lần số nuclêôtit loại T. Có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

- I. Mạch 1 của gen có A/G = 2/3.
- II. Số Nu loại X của gen là 575.
- III. Mạch 2 của gen có G/X = 3/2.
- IV. Số liên kết hydro loại giữa G-X gấp 4 lần giữa A-T.

A. 2. B. 4. C. 3. D. 1.

Câu 38: Ở một loài thực vật, alen A quy định thân cao trội hoàn toàn so với alen a quy định thân thấp; alen B quy định hoa đỏ trội hoàn toàn so với alen b quy định hoa vàng. Hai cặp gen này nằm trên cặp nhiễm sắc thể tương đồng số 1. Alen D quy định quả tròn trội hoàn toàn so với d quy định quả dài. Cặp gen Dd nằm trên cặp nhiễm sắc thể tương đồng số 2. Cho giao phấn giữa hai cây P đều thuần chủng được F₁ dị hợp về ba cặp gen. Cho F₁ giao phấn với nhau thu được F₂, trong đó cây có kiểu hình thân cao, hoa vàng, quả tròn chiếm 12%. Biết hoán vị gen xảy ra trong cả quá trình phát sinh giao tử đực và cái với tần số bằng nhau và không có hiện tượng đột biến xảy ra. Theo lý thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây là không **đúng**?

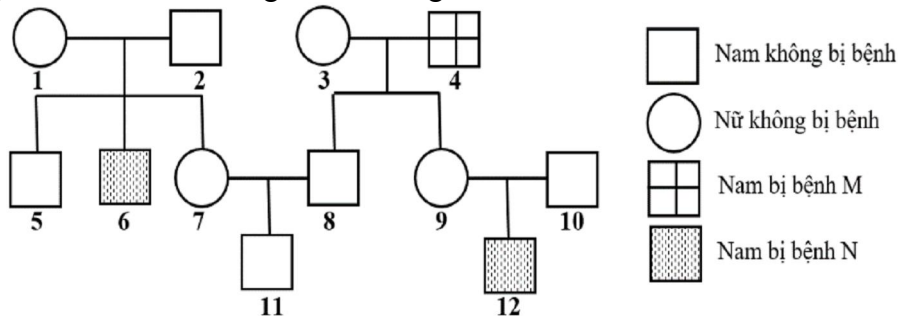
- (1) Tần số hoán vị gen là 20%.
- (2) Kiểu hình chiếm tỉ lệ nhỏ nhất F₂ ở là thân thấp, hoa vàng, quả dài.
- (3) Tỉ lệ cây cao, đỏ, tròn có kiểu gen dị hợp là 42%.
- (4) Tỉ lệ kiểu hình mang đúng hai tính trạng trội ở F₂ chiếm tỉ lệ 3,875%.

A. 3. B. 2. C. 4. D. 1.

Câu 39: Ở một loài động vật, xét 3 cặp gen A, a; B, b và D, d quy định 3 tính trạng khác nhau, các alen trội đều trội hoàn toàn. Tiến hành phép lai P: ♀ AB/abX^DX^d x ♂ Ab/aBX^dY, thu được F₁. Trong tổng số cá thể F₁, số cá thể không mang alen trội của các gen trên chiếm 3%. Biết rằng không xảy ra đột biến nhưng xảy ra hoán vị gen ở cả quá trình hình thành giao tử đực và giao tử cái với tần số bằng nhau. Theo lí thuyết, ở F₁ là

- A. số cá thể có kiểu gen mang 3 alen trội chiếm 31%.
- B. số cá thể mang kiểu hình trội của cả 3 tính trạng chiếm 26%.
- C. trong tổng số cá thể cái mang kiểu hình trội của 3 tính trạng, số cá thể có kiểu gen dị hợp một cặp gen chiếm 20%.
- D. số cá thể cái dị hợp về cả 3 cặp gen chiếm 26,5%.

Câu 40: Phả hệ ở hình bên mô tả sự di truyền của bệnh M và bệnh N ở người, mỗi bệnh đều do 1 trong 2 alen của một gen quy định. Cả hai gen này đều nằm ở vùng không tương đồng trên nhiễm sắc thể giới tính X. Biết rằng không xảy ra đột biến và không có hoán vị gen.



Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

- (1) Người số 1 dị hợp tử về cả hai cặp gen.
- (2) Xác suất sinh con thứ hai bị bệnh của cặp 9 - 10 là 1/2.
- (3) Xác định được tối đa kiểu gen của 9 người trong phả hệ.
- (4) Xác suất sinh con thứ hai là con trai bị bệnh của cặp 7 - 8 là 1/4.

- A. 4.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 1.

----- HẾT -----

Cán bộ coi thi không giải thích đề thi !

Đáp Án Môn Sinh Đề Tuần 08 Mã đề: 132

	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A																				
B																				
C																				
D																				
	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
A																				
B																				
C																				
D																				